

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2023/DS-ST.

Ngày: 08-12-2023

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái

Ông Đàm Thanh Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2023/QĐXXST-DS ngày 08/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu M**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 97/8, SL, SD, CL, Bền Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu M:

1. Bà **Lâm Thị Hằng N**, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Khóm B, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1999 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Khóm B, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Châu Minh D**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 105, đường N, khóm M, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Võ Thị Ngọc S**, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 105, đường N, khóm M, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị Thu M và ông Châu Minh D có quen biết và làm ăn với nhau, đến khoảng năm 2022 ông D có liên hệ với bà M để mua nông sản như chanh, tắc. Khi đó thỏa thuận là khi nào ông D mua thì sẽ đặt hàng cho bà M, bà M báo giá mỗi ngày, khi nào ông D đồng ý giá mua thì bà M sẽ giao hàng đến vừa của ông D tại chợ Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, mỗi lần giao hàng đến ông D thì ông D có làm toa hàng và chụp hình lại cho bà M xem và đối chiếu, sau đó ông D sẽ thanh toán cho bà M.

Sau nhiều lần mua hàng ông D đều thanh toán đầy đủ cho bà M thông qua chuyển khoản Ngân hàng, nhưng sau đó ông D đặt hàng của bà M nhưng xin nợ tiền lại, ông D nợ nhiều lần nên bà M không giao hàng cho ông D nữa và yêu cầu ông D trả số tiền nợ cho bà M. Đến ngày 20/11/2022 bà M có liên hệ với ông D để tính toán lại số tiền nợ thì ông D còn nợ bà M số tiền 140.000.000 đồng, khi đó ông D có làm giấy nợ và hứa trả cho bà M mỗi tháng 10.000.000 đồng vào ngày 02 hàng tháng nhưng ông D không thực hiện. Bà M đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông D, bà S thanh toán nợ nhưng vợ chồng ông D không trả cho bà M.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc, do phía bị đơn đã trả được 5.000.000 đồng vào ngày 21/01/2023 nên nguyên đơn yêu cầu ông D và bà S trả tiền gốc còn nợ là 135.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 22/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/12/2023) là 10 tháng 16 ngày là 11.803.000 đồng.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Châu Minh D trình bày:

Ông D thừa nhận trước đây có mua nông sản như chanh, tắc của bà Nguyễn Thị Thu M và nợ bà M số tiền 140.000.000 đồng. Biên nhận bà M cung cấp cho Tòa án là do ông D viết và ký tên. Ông D có hứa mỗi tháng trả cho bà M số tiền 10.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 140.000.000 đồng, tuy nhiên sau khi viết biên nhận nợ cho bà M khoảng 15 ngày sau thì ông D bị bê nợ, không có khả năng trả nợ cho bà M như đã hứa. Đến ngày 30 tết Nguyên đán năm 2023 thì ông D có chuyển khoản cho bà M số tiền 5.000.000 đồng, hiện nay còn nợ bà M số tiền 135.000.000 đồng.

Đối với số tiền nợ này bà Võ Thị Ngọc S không có liên quan gì đến việc làm ăn, nợ nần của ông D. Khi làm vừa trái cây tại chợ Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh thì tạo ra thu nhập thì hàng tháng ông D gửi tiền về lo cho vợ con, bà S không biết gì về chuyện làm ăn, thiếu nợ của ông D.

Do kinh tế gia đình quá khó khăn, hiện nay không có việc làm nên ông D xin được trả dần cho bà M số tiền 135.000.000 đồng còn nợ mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Vì hiện nay ông không có khả năng thanh toán một lần số tiền nợ cho bà M. Về tiền lãi thì ông D không đồng ý trả theo yêu cầu của bà M vì đây là tiền mua bán nông sản chứ không phải tiền vay.

3/ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ngọc S:

Tại phiên tòa bà S thừa nhận bà biết chồng bà là ông Châu Minh D mua bán trái cây, hàng tháng thì ông D có gửi tiền về để bà nuôi con và bà có biết ông D nợ tiền bà M.

Nay theo yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà và ông D cùng trả số nợ trên thì bà S không đồng ý vì bà không nghề nghiệp, chỉ ở nhà nuôi con và không có tiền để trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mua bán nông sản nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, đồng thời bị đơn cư trú tại phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Châu Minh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 2, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu ông D và bà S trả số tiền gốc còn nợ là 135.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông D thừa nhận là giữa bà M và ông D có mua bán nông sản như chanh, tắc với nhau và ông D còn nợ bà M 140.000.000 đồng, ông D có viết biên nhận cam kết vào ngày 02 hàng tháng sẽ trả cho bà M 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên vào ngày 30 tết Nguyên đán năm 2023 (ngày 21/01/2023) ông D có chuyển khoản trả được 5.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho nguyên đơn M.

Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xem đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và xác định bị đơn D có nợ nguyên đơn số tiền gốc là 135.000.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất: Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phía nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với các Điều 357; 430; 440; 468

của Bộ luật Dân sự. Lãi suất được tính từ ngày 22/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/12/2023) là 10 tháng 16 ngày là 11.803.000 đồng.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án ông D thừa nhận bà S là vợ của ông D và mục đích mua bán hàng hóa với bà M thì số tiền lợi nhuận có được ông D gửi về cho bà S để chăm lo cuộc sống gia đình. Đồng thời bà S cũng thừa nhận sự việc nêu trên. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông D và bà S cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông D cùng bà S liên đới trả cho nguyên đơn bà M số tiền nợ gốc là 135.000.000 đồng và tiền lãi là 11.803.000 đồng. Tổng cộng là 146.803.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Châu Minh D và bà Võ Thị Ngọc S phải chịu là 7.340.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228; khoản 2, Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; Điều 430; Điều 440; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu M về việc yêu cầu bị đơn ông Châu Minh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ngọc S trả số tiền mua bán tài sản.

Buộc ông Châu Minh D và bà Võ Thị Ngọc S liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu M số tiền nợ gốc là 135.000.000 đồng và tiền lãi là 11.803.000 đồng. Tổng cộng là 146.803.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm lẻ ba ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Thu M thì hàng tháng ông Châu Minh D và bà Võ Thị Ngọc S còn phải chịu khoản tiền lãi trên số

tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

3/ Về án phí sơ thẩm:

Ông Châu Minh D và bà Võ Thị Ngọc S chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.340.000 đồng (Bảy triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thu M không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu M số tiền tạm ứng án phí là 3.693.000 đồng (Ba triệu, sáu trăm chín mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011028 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Phương